TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2026/DS-PT
Ngày: 14 - 4 - 2026
V/v: Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2026 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản (quyền sử dụng đất).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 365/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lâm Thị Xuân C, sinh năm 1969, địa chỉ: khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1966, địa chỉ: số H, đường L, phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2025, có mặt.

- *Bị đơn*: ông Trương Thanh S, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Trương Thị Trang N, sinh năm 1980, địa chỉ: số19/25, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ, theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2025, có mặt

2. Ông Võ Hà T, sinh năm 1991, địa chỉ: số D đường P, Khu V, phường C, Thành phố Cần Thơ, theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2026, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1962, địa chỉ: khóm A,xã L, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ liên hệ: Ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T1: ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993, địa chỉ: khóm A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ liên hệ: ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: khóm A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (chỗ ở hiện nay: số A, phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

3. Ông Cao Văn T3, sinh năm 1971, địa chỉ: khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long (hiện đang điều trị bắt buộc tại Viện pháp y Tâm thần Trung ương B).

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Văn T3: bà Lâm Thị Xuân C, sinh năm 1969, địa chỉ: khóm A, xã C, tỉnh Vĩnh Long (vợ của ông T3), vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: ông Trương Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2025, bà Lâm Thị Xuân C trình bày*: bà với ông Cao Văn T3 là vợ chồng. Năm 2009, bà C có nhận chuyển nhượng của bà Võ Phước T4 diện tích 89.097m^2, thửa số 1, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 23-7-2009, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục cấp biến động (đứng tên mặt 4 giấy chứng nhận), sau đó bà giao phần đất này cho chồng bà là ông Cao Văn Thanh quản L, canh tác xổ tôm, cua, cá tự nhiên. Tuy nhiên, do ông T3 kinh doanh bị thua lỗ, ông T3 có nợ tiền của ông Trương Thanh S nên ông T3 thỏa thuận giao thửa đất nêu trên cho ông S canh tác, thu hoạch tôm, cua, cá tự nhiên đến khi ông S thu hồi lại đủ số tiền nợ gốc hoặc khi nào ông T3 trả đủ số tiền nợ gốc cho ông S thì ông S trả đất lại cho ông T3. Việc thỏa thuận này không có sự đồng ý của bà C. Sự thỏa thuận nêu trên lúc đầu bà C không biết, sau khi ông T3 giao đất cho ông S canh tác xong thì ông T3 mới cho bà C biết. Sau đó ông T3 bị bệnh tâm thần và đi điều trị bắt buộc tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B cho đến nay. Hiện nay phần đất nêu trên ông S đã giao lại cho ông Nguyễn Thanh T1 canh tác.

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu ông S và ông T1 trả lại cho bà C thửa đất số 1, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long theo đo đạc thực tế diện tích 85.805,3m^2,.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 28/5/2025 và Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2025 ông Trương Thanh S trình bày:* trước đây ông có vay tiền của nhiều người để cho ông Cao Văn T3 vay lại, theo giấy cam kết trả nợ ngày 24/10/2007 thì ông T3 thừa nhận có nợ của ông 917.000.000 đồng, ông T3 vay tiền của ông để đóng xà lan, do ông T3 không có tiền trả nên ông T3 giao cho ông thửa đất số 1 diện tích 89.097m^2 để ông canh tác, sau đó ông có nợ tiền ngân hàng ông T1 đứng ra trả nợ thay ông nên ông giao thửa đất số 1 cho ông T1 canh tác đến nay, trong giấy xác nhận giữa ông với ông T1 có ghi rõ ông T3 có giao cho ông một thửa đất để canh tác. Nay ông yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất số 1 và yêu cầu bà C và ông T3 liên đới trả lại cho ông 117.000.000 đồng là số tiền còn lại sau khi đã cấn trừ vào số tiền ông nhờ ông T3 mua dùm thửa đất số 1 với giá

800.000.000 đồng. Nay ông không nộp đơn yêu cầu phản tố, khi nào cần thiết sẽ nộp sau.

Ngày 21/7/2025, ông S nộp đơn phản tố và đến ngày 15/8/2025 ông S tiếp tục nộp đơn bổ sung yêu cầu: công nhận cho ông quyền sử dụng thửa đất số 1, yêu cầu bà C và ông T3 liên đới trả lại cho ông 117.000.000 đồng là số tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền ông T3 mua dùm ông thửa đất số 1 với giá 800.000.000 đồng, yêu cầu bà C và ông T3 liên đới trả cho ông tiền công sức quản lý, cải tạo, bồi đắp và làm các cống nước là 500.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông không đồng ý.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 bày:* Về nguồn gốc thửa đất số 1, thì ông có nghe ông S nói lại, trước đây ông T3 mua của ai đó (ông không biết tên), do ông T3 có mượn tiền ông S nhưng chưa trả được nên ông T3 giao thửa đất cho ông S canh tác khi nào ông T3 trả tiền thì ông S trả đất lại. Đến năm 2015, ông T1 có đưa cho ông S mượn 660.000.000 đồng và ông S giao cho ông T1 canh tác đất thửa số 1, hai bên cũng thỏa thuận: ông T1 canh tác đến khi nào ông S trả đủ tiền thì ông T1 được canh tác thêm 12 tháng nữa sau đó mới giao trả đất cho ông S canh tác. Nay trong vụ án này ông không có yêu cầu ông S trả số tiền 660.000.000 đồng, khi nào cần ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Tại Công văn số 1962/CSKT ngày 05/8/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T5 xác nhận: ngày 16/9/2009 ông Cao Văn T3 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T5 khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ra lệnh bắt tạm giam, từ tháng 10/2010 đến nay bị can Cao Văn T3 liên tục phát bệnh và bị bắt buộc chữa bệnh tâm thần, hiện tại ông T3 đang điều trị bệnh bắt buộc tại Viện pháp y Tâm thần Trung ương B và theo xác nhận của Viện pháp y tâm thần Trung ương B: hiện tại bệnh nhân Cao Văn T3 đang điều trị bệnh bắt buộc tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 245/2023/KLGĐ ngày 07/7/2023 của Trung tâm P kết luận thì bệnh nhân Cao Văn T3 hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long đã xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân C: buộc ông Trương Thanh S và ông Nguyễn Thanh T1 trả lại cho bà Lâm Thị Xuân C diện tích đất 85.805,3m^2, thửa số 1, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền nghĩa vụ liên quan đến thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2025 bị đơn ông Trương Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại thủ tục chung với 02 lý do:

1. Tính đến năm 2007 thì ông T3 còn nợ của ông 917.000.000 đồng, thời điểm đó ông với ông T3 có thỏa thuận, thay vì trả nợ cho ông thì ông T3 lấy tiền

đó mua dùm ông thửa đất số 1 của bà T4 với giá 800.000.000 đồng (do trước đây ông với bà T4 có mâu thuẫn nên ông nhờ ông T3 đứng ra mua đất của bà T4 dùm ông), nên ông T3 giao đất cho ông sử dụng. Việc ông T3 giao đất cho ông bà C biết nhưng không phản đối tức là bà đồng ý. Thửa đất số 1 là tài sản chung của vợ chồng bà C và ông T3 hình thành trong thời kỳ hôn nhân, Tòa án sơ thẩm buộc ông giao trả đất cho bà C nhưng không buộc bà C và ông T3 liên đới thanh toán tiền nợ gốc, lãi và công sức của ông giữ gìn, bồi đắp phần đất này là thiệt hại đến quyền lợi của ông.

2. Ông T3 thực tế đang điều trị bệnh bắt buộc tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B nhưng đã ổn định vì theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 114/KL VPYTW ngày 28/02/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B1 hòa kết luận ông T3 đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng sau đó lại có Kết luận số 245/2023 ngày 07/7/2023 của Trung tâm P lại kết luận ông T3 bị hạn chế khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ vì sao trong thời gian ngắn lại có sự không thống nhất về kết luận giám định tâm thần đối với ông T3. Ông T3 đang điều trị tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm không trích xuất ông T3 về trực tiếp tham dự phiên tòa mà chỉ gửi giấy mời theo thủ tục thông thường rồi xét xử vắng mặt ông T3 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày: ông S xác định do ông T3 nợ tiền của ông S nên giao thửa đất số 1 cho ông S khai thác thu hoa lợi, khi nào ông T3 trả đủ tiền thì ông S giao đất lại, ông S không có nhờ ông T3 mua dùm thửa đất số 1 cho ông S. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông S trả đất lại cho bà C nhưng không buộc bà C và ông S liên đới trả lại cho ông S tiền vay vốn, lãi cũng như công sức ông S tu bổ đất là thiệt hại đến quyền lợi của ông S, vì thửa đất số 1 là tài sản chung của bà C và ông S trong thời kỳ hôn nhân, khi ông T3 giao đất cho ông S bà C biết nhưng không phản đối tức bà đồng ý, cấp sơ thẩm nhận định thửa đất là tài sản riêng của bà C là không đúng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng tố tụng như: không đưa Công ty TNHH T6 tham gia tố tụng; biên bản định giá tài sản Thẩm phán không ký tên, đóng dấu; biên bản đo đạc bà C là nguyên đơn nhưng không trực tiếp chỉ ranh mà để ông S chỉ ranh; biên bản hòa giải ở xã không đúng thành phần hòa giải. Từ những vi phạm đó đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết buộc bà C và ông T3 cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho lại cho ông S tiền vay vốn và lãi và tiền công sức tu bổ đất. Ông S không kháng cáo yêu cầu công nhận cho ông quyền sử dụng thửa đất số 1.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày: bà C là vợ của ông T3, ông T3 hiện đang điều trị bệnh bắt buộc tại Viện Pháp y tâm thần trung ương B do ông T3 bị mất khả năng nhận thức, không điều khiển được hành vi nên bà C đương nhiên đồng ý làm người giám hộ và đại diện cho công T3 tham gia tố tụng

trong vụ án, đối với yêu cầu kháng cáo của ông S bà C không đồng ý, bà C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông S được miễn tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 25/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm đến ngày 05/9/2025 bị đơn ông Trương Thanh S kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của bị đơn đúng về hình thức, nội dung và thuộc trường hợp được miễn đóng tạm ứng án phí nên được xem xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng thửa đất số 1 đang tranh chấp: Thể hiện tại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào ngày 20/7/2004 bà Lâm Thị Xuân C ký hợp đồng nhận chuyển nhượng từ bà Võ Phước T4 thửa số 1 diện tích 89.097m^2 loại đất Ao (Hồ) với giá 400.000.000 đồng đến ngày 23/7/2009 bà C được đứng tên trên mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bà C trình bày, bà giao thửa đất này cho ông T3 canh tác sau đó do ông T3 có thiếu nợ ông S nên ông T3 giao thửa đất cho ông S khai thác thu hoa lợi (sò tôm, cua, cá tự nhiên) điều này bà C biết nhưng không phản đối. Ông S cũng thừa nhận từ năm 2009 ông T3 giao cho ông khai thác thửa đất số 1 đến khoảng năm 2015 ông giao thửa đất này cho ông T1 khai thác đến nay. Đây là những tình tiết, sự kiện được đương sự thống nhất thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3] Mặc dù bà C là người ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông T3, bà C không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của bà nên theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì thửa đất số 1 được công nhận là tài sản chung của bà C và ông T3. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất số 1 là tài sản của cá nhân bà C là không đúng quy định gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác trong vụ án.

[4] Do ông S không phải là chủ sử dụng đất, ông S chỉ được chủ sử dụng đất là ông T3 và bà C giao quyền khai thác thửa đất này để hưởng hoa lợi, trong quá trình khai thác thửa đất ông S tự ý giao thửa đất này cho ông T1 khai thác mà không có sự đồng ý của ông T3 và bà C là vi phạm thỏa thuận nên bà C đòi ông

S và ông T1 giao trả thửa đất lại cho bà quản lý, khai thác là phù hợp Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông S và ông T1 giao đất lại cho bà C là đúng quy định.

[5] Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 28/5/2025 (bút lục 92, 92) ông S xác định ông không có yêu cầu phản tố, khi nào cần thiết ông sẽ nộp đơn yêu cầu sau. Ngày 06/6/2025 Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 21/7/2025 ông S nộp đơn phản tố yêu cầu: công nhận cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 1, yêu cầu bà C và ông T3 có nghĩa vụ trả cho ông 117.000.000 đồng là số tiền còn lại sau khi cấn trừ vào việc ông T3 mua đất của bà T4 dùm ông với giá 800.000.000 đồng và yêu cầu bà C và ông T3 trả cho ông 500.000.000 đồng tiền công sức tôn tạo đất.

[6] Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì "Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải". Trong trường hợp này, ông S đưa ra yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thậm chí sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Tòa án sơ thẩm chỉ xử buộc ông S giao trả đất mà chưa xem xét giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông S về giao dịch vay tài sản giữa ông T3 và ông S cũng như công sức tôn tạo đất của ông S là phù hợp pháp luật. Như vậy, ông S có quyền khởi kiện vụ án khác để tranh chấp với ông T3 và bà C về số tiền vay cũng như công sức tôn tạo đất khi thấy cần thiết.

[6] Ông Cao Văn T3 hiện đang bị bắt buộc điều trị bệnh tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B, theo kết luận giám định pháp y số 245/2023 ngày 07/7/2023 của Trung tâm P thì ông T3 bị hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi. Trong trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các điều 46, 47, 48 và 53 Bộ luật sự 2015 xác định người giám hộ đương nhiên của ông T3 là bà C (vợ ông) để đưa bà C làm người đại diện hợp pháp cho ông T3 tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 88 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đây là sai sót của cấp sơ thẩm, tuy nhiên sai sót này không nghiêm trọng, nếu hủy án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chỉ cần nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm là đủ.

[7] Xét, người đại diện theo ủy quyền của ông S cho rằng cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH T6 tham gia tố tụng, biên bản định giá tài sản Thẩm phán không ký tên, đóng dấu, biên bản đo đạc bà C là nguyên đơn nhưng không trực tiếp chỉ ranh mà để ông S chỉ ranh, biên bản hòa giải ở xã không đúng thành phần hòa giải nên yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: đây là vụ án đòi tài sản không phải tranh chấp quyền sử dụng đất (tranh chấp ai là người được quyền sử dụng đất) nên việc hòa giải ở cấp xã không phải là điều kiện bắt

buộc để thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án, ông S trình bày ông T3 là người vay tiền của ông S, không phải Công ty TNHH T6 vay tiền của ông S nên không cần thiết đưa Công ty TNHH T6 tham gia tố tụng; Biên bản định giá của Hội đồng định giá, Thẩm phán không phải thành viên Hội đồng định giá nên Thẩm phán không ký tên, đóng dấu trong biên bản định giá là đúng quy định; việc đo đạc mặc dù bà C không trực tiếp chỉ ranh nhưng bà C thống nhất sự chỉ ranh của ông S và cơ quan đo đạc đã tiến hành đo đạc xong, sau khi có kết quả đo đạc các đương sự đều thống nhất không ai khiếu nại gì về kết quả đo đạc.

[8] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông S yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông S là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Thanh S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long

Áp dụng các Điều 166, 579, 582 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân C: Buộc ông Trương Thanh S và ông Nguyễn Thanh T1 giao lại cho bà Lâm Thị Xuân C phần đất có diện tích 85.805,3m^2, đất Ao (hồ), thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp C, phường T, tỉnh Vĩnh Long, có số đo các cạnh như sau: phía đông giáp thửa 285 có số đo 26,5m; giáp thửa 284 có số đo cạnh 1 là 90m và cạnh 2 là 65,8m. Phía tây giáp phần còn lại của thửa 1 (phần bị sạt lỡ Sông L) có số đo cạnh 1 là 187,2m và cạnh 2 là 11,4m. Phía nam giáp thửa 1447 có số đo là 239,5m; giáp thửa 284 có số đo cạnh 1 là 159,5m, cạnh 2 là 49,3m và cạnh 3 là 6,2m. Phía bắc giáp thửa 205, tờ bản đồ 1, có số đo là 462,1m *(có sơ đồ khu đất kèm theo gồm ký hiệu D, F, G).*

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông S được miễn toàn bộ.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 14 - VL;
- Phòng THADS KV 14 -VL;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- PGĐKTTT&THA TANDTVL;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Chi